

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/AUCO/2025

### I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT ÂU CƠ.

Địa chỉ: Lô A2CN1, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: Fax:

Mã số doanh nghiệp: 0103100214



### II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung ZYMOPATH

2. Thành phần: Mỗi gói 30g chứa

Bột hỗn hợp các hạt (gạo lứt, đậu xanh, đậu Hà Lan, hạnh nhân, nhân hạt bí đỏ, đậu trắng, hạt sen, óc chó), kem không sữa (non dairy creamer), đạm đậu Hà Lan, MCT (medium chain triglyceride), chất xơ hòa tan (Inulin), chất ổn định (gôm gua), Zymologist (chiết xuất hỗn hợp 101 loại rau củ quả lên men) 250mg, natri clorid, bột hoa đậu biếc, calci (từ Aquamin F), chất tạo ngọt (Steviol glycosid từ Stevia), bột quả (quả bơ, dâu tây, táo), vitamin C (ascorbic acid), bột cần tây, magnesi (dưới dạng magnesium citrate), Immunepath-IP (vách tế bào *Lactobacillus paracasei*, maltodextrin, mannitol), tảo *Nannochloropsis* sp., chất chống đông vón (silicon dioxide), vitamin B5 (calcium pantothenate), vitamin PP (niacinamide), kẽm (dưới dạng zinc bisglycinate chelate), phẩm màu tự nhiên (curcumin từ củ nghệ vàng), selen (từ men giàu selen).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

24 tháng từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn chính của sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói nhôm/gói PE/gói giấy, bên ngoài là hộp giấy, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách đóng gói: Hộp 10 gói x gói 30g, Hộp 14 gói x gói 30g, Hộp 15 gói x gói 30g, Hộp 20 gói x gói 30g.

Khối lượng tịnh: 300,0g; 420,0g; 450,0g; 600,0g.

**6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT ÂU CƠ

Địa chỉ: Lô A2 CN1, Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000: 2018. Số giấy chứng nhận: TQC.03.4213. Ngày cấp: 10/10/2023. Ngày hết hạn: 9/10/2026

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn số TCCS TA1920:2025/AC ban hành ngày 08/07/2025 (bản tiêu chuẩn gắn kèm)

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT ÂU CƠ



**SIAM ĐỐC**  
*Hà Hồng Phúc*

## BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung ZYMOPATH

2. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT ÂU CƠ

Địa chỉ: Lô A2 CN1, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội, Việt Nam

3. Trạng thái sản phẩm:

- Trạng thái: bột
- Màu sắc: bột màu xanh lẫn các hạt khác màu
- Khối lượng trung bình gói: 30g ( $\pm 7,5\%$ )

4. Thành phần cấu tạo: Mỗi gói 30g chứa

Bột hỗn hợp các hạt (gạo lứt, đậu xanh, đậu Hà Lan, hạnh nhân, nhân hạt bí đỏ, đậu trắng, hạt sen, óc chó), kem không sữa (non dairy creamer), đạm đậu Hà Lan, MCT (medium chain triglyceride), chất xơ hòa tan (Inulin), chất ổn định (gôm gua), Zymologist (chiết xuất hỗn hợp 101 loại rau củ quả lên men) 250mg, natri clorid, bột hoa đậu biếc, calci (từ Aquamin F), chất tạo ngọt (Steviol glycosid từ Stevia), bột quả (quả bơ, dâu tây, táo), vitamin C (ascorbic acid), bột cần tây, magnesi (dưới dạng magnesium citrate), Immunepath-IP (vách tế bào *Lactobacillus paracasei*, maltodextrin, mannitol), tảo *Nannochloropsis* sp., chất chống đông vón (silicon dioxide), vitamin B5 (calcium pantothenate), vitamin PP (niacinamide), kẽm (dưới dạng zinc bisglycinate chelate), phẩm màu tự nhiên (curcumin từ củ nghệ vàng), selen (từ men giàu selen).

5. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Năng lượng	Kcal/100g	300,0 - 620,0
2.	Chất đạm	g/100g	12,0 - 32,0
3.	Carbohydrat (Không bao gồm xơ)	g/100g	36,0 - 85,0
4.	Chất béo	g/100g	12,0 - 32,0
5.	Cholesterol	mg/100g	0
6.	Đường tổng số	g/100g	$\leq 12,0$
7.	Natri	mg/100g	$\leq 800,0$
8.	Kẽm	mg/100g	$\geq 6,6$
9.	Calci	mg/100g	$\geq 200,0$
10.	Vitamin C	mg/100g	$\geq 80,0$
11.	Vitamin B5	mg/100g	$\geq 40,0$
12.	Vitamin PP	mg/100g	$\geq 26,4$

13.	Selen	mcg/100g	26,5 – 66,0
14.	Magnesi	mg/100g	≥ 72,0

## 6. Chỉ tiêu an toàn

### 6.1 Giới hạn về vi sinh vật

Stt	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa	Đơn vị
1	Tổng số Vi sinh vật hiếu khí	10 <sup>4</sup>	CFU/g
2	<i>Escherichia coli</i>	Không phát hiện	/1 g
3	<i>Salmonella spp.</i>	Không phát hiện	/25 g
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	3	MPN/g
5	Tổng số nấm men, nấm mốc	10 <sup>2</sup>	CFU/g

### 6.2 Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,5
2	Chì (Pb)	mg/kg	1,5
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,1

### 6.3 Giới hạn về độc tố vi nấm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Ochratoxin A	mcg/kg	3,0
2	Aflatoxin B1	mcg/kg	2,0
3	Aflatoxin B1B2G1G2	mcg/kg	4,0

## 7. Cách dùng

- Có thể sử dụng 1-2 gói/lần x 1-2 lần/ngày hoặc tùy cá nhân để bổ sung năng lượng hoặc thay thế bữa ăn phụ.

- Pha mỗi gói với 150-250ml nước ấm, tùy khẩu vị. Khuấy đều và thưởng thức.

- Có thể dùng pha với nước/ sữa/ nước trái cây/ nước rau củ quả/ mật ong hay các loại nước uống khác. Ngon hơn khi uống ấm.

\* Đối tượng sử dụng: Trẻ em từ 4 tuổi trở lên và người lớn.

Chú ý:

- Không dùng cho người bị mẫn cảm, kiêng kỵ với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

- Sản phẩm chứa các loại hạt nên cảm quan có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

## 8. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói:

### 8.1 Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong gói nhôm/gói PE/gói giấy, bên ngoài là hộp giấy, bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

### 8.2 Quy cách đóng gói:

- Quy cách đóng gói: Hộp 10 gói x gói 30g, Hộp 14 gói x gói 30g, Hộp 15 gói x gói 30g, Hộp 20 gói x gói 30g.

100214  
CÔNG TY  
CƠ PHÂN  
TỬ VÀ SẢN PHẨM  
ÂU CƠ  
TỰ LIÊM - T

- Khối lượng tịnh: 300,0g; 420,0g; 450,0g; 600,0g.

9. **Thời hạn sử dụng:** 24 tháng từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn chính của sản phẩm.

10. **Hướng dẫn bảo quản:** Nơi khô, thoáng, nhiệt độ dưới 30<sup>0</sup>C, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2025  
**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)





Vỏ hộp

KLT  
450g

Thực phẩm bổ sung

# Zymopath

Chứa Zymologist (chiết xuất hỗn hợp 101 loại rau củ quả lên men)

**5** Không

- ✓ KHÔNG LACTOSE
- ✓ KHÔNG CHOLESTEROL
- ✓ KHÔNG CHẤT TẠO MÀU NHÂN TẠO
- ✓ KHÔNG HƯƠNG LIỆU
- ✓ KHÔNG DẦU NÀNH

✓ Hộp 15 gói  
✓ 30g/gói

Lô SX:  
NSX:  
HSD:

AD  
AU GO

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g	
Năng lượng	410,0	Kcal
Chất đạm	16,0	g
Carbohydrat	50,0	g
Chất béo	16,2	g
Cholesterol	0	mg
Đường tổng số	3,2	g
Natri	≤ 800,0	mg
Vitamin C	100,0	mg
Vitamin B5	50,0	mg
Vitamin PP	33,0	mg
Calci	250,0	mg
Selen	33,0	mcg
Magnesi	90,0	mg
Kẽm	8,3	mg

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

- Có thể sử dụng 1-2 gói/lần x 1-2 lần/ngày hoặc tùy cơ nhân để bổ sung năng lượng hoặc thay thế bữa ăn phụ.
- Pha mỗi gói với 150-250ml nước ấm, tùy khẩu vị. Khuấy đều và thưởng thức.
- Có thể dùng pha với nước/ sữa/ nước trái cây/ nước rau củ quả/ mật ong hay các loại nước uống khác. Ngon hơn khi uống ấm.

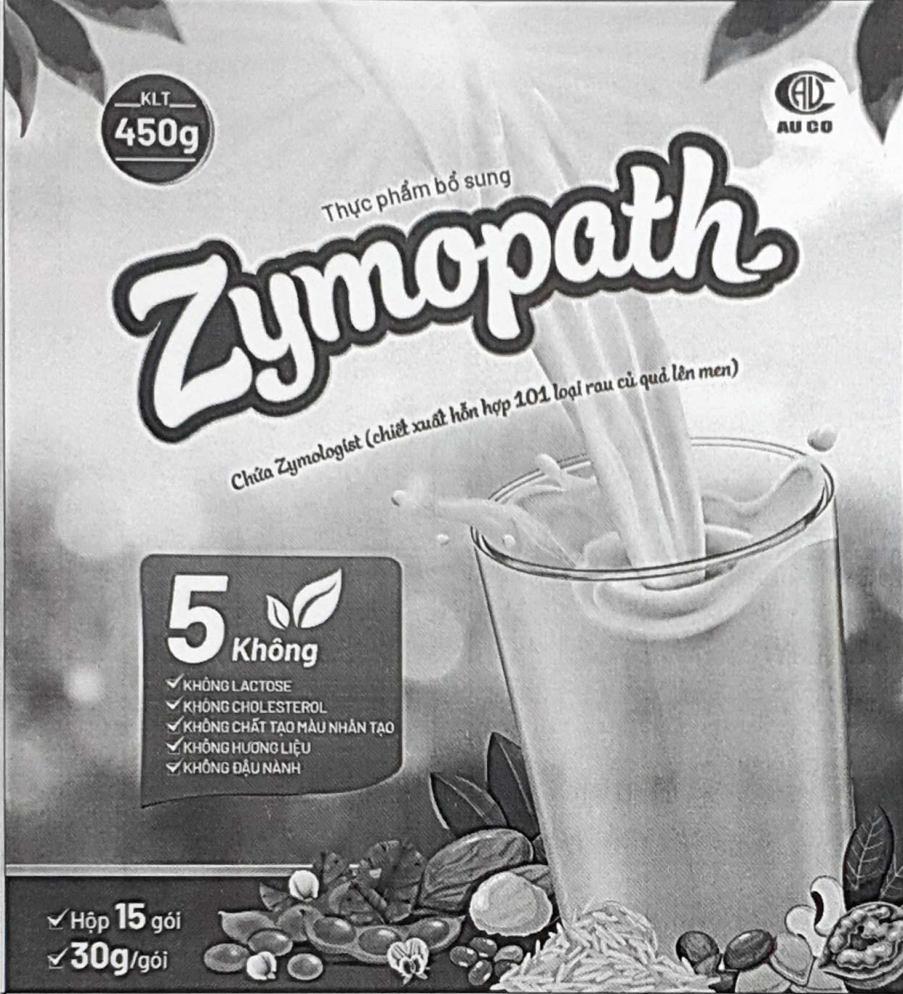
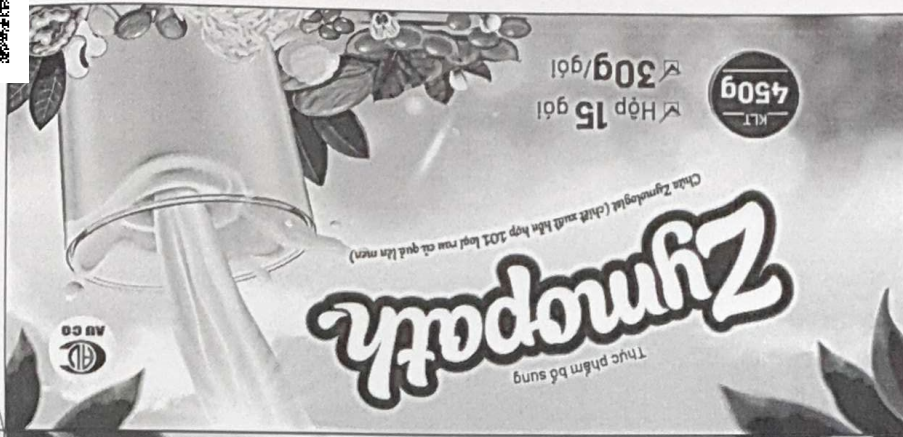
ỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

Trẻ em từ 4 tuổi trở lên và người lớn.

CHÚ Ý:

- Không dùng cho người bị mẫn cảm, kiêng kỵ với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.
- Sản phẩm chứa các loại hạt nên cảm quan có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Sản xuất tại Việt Nam



**THÀNH PHẦN: Mỗi gói 30g chứa**

Bột hỗn hợp các hạt (gạo lứt, đậu xanh, đậu Hà Lan, hạnh nhân, nhân hạt bí đỏ, đậu trắng, hạt sen, óc chó), kem không sữa (non dairy creamer), đậu phụ Hà Lan, MCT (medium chain triglyceride), chất xơ hòa tan (Inulin), chất ổn định (gôm quạ), Zymologist (chiết xuất hỗn hợp 101 loại rau củ quả lên men) 250mg, natri clorid, bột hoa đậu biếc, calci (từ Aquamin F), chất tạo ngọt (Steviol glycosid từ Stevia), bột quả (quả bơ, đậu tây, táo), vitamin C (ascorbic acid), bột cần tây, magnesi (dưới dạng magnesium citrate), Immunopath-IP (vách tế bào *Lactobacillus paracasei*, maltodextrin, mannitol), tảo *Nannochloropsis* sp., chất chống đông vón (silicon dioxide), vitamin B5 (calcium pantothenate), vitamin PP (niacinamide), kẽm (dưới dạng zinc bisglycinate chelate), phẩm màu tự nhiên (curcumin từ củ nghệ vàng), selen (từ men giàu selen).

**BẢO QUẢN:**

Nơi khô, thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thương nhân chịu trách nhiệm và sản xuất sản phẩm:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT AU CO**  
 ĐC: Lô A2 CN1, Cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Website: www.auco.vn

Tiếp thị và phân phối bởi:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA WELLNESS**  
 ĐC: Nhà số 4, gác 7B, ngõ 18, phố Định Công Thượng, Phường Định Công, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Hotline: 0968787719  
 Website: www.vinawellness.com.vn

Số TCB: 03/AUCO/2025  
 KHỐI LƯỢNG TỊNH: 450g





VIỆN THỰC PHẨM CHỨC NĂNG  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
Lô RD8-01, Khu Nghiên cứu và triển khai  
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, Hà Nội  
Tel: 024 37932595 \* Website: vids.vn \* Email: ttkn@vids.vn



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(Thay thế phiếu số 25XG4003 xuất ngày 06/10/2025)

Số: 25XG4003/R

Mẫu thử nghiệm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG ZYMOPATH**

Nơi sản xuất: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Âu Cơ

Số lô/SKS: **040825/02** Ngày sản xuất: 18/08/25 Hạn sử dụng: 18/08/27

Số ĐK/CNTC:

Người và nơi gửi mẫu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Âu Cơ

Địa chỉ: Lô A2 CN1 Cụm CN tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, TP Hà Nội

Yêu cầu thử nghiệm: (Theo phiếu yêu cầu)

Ngày tháng năm nhận mẫu: 25/09/2025 Số đăng ký thử nghiệm: **25G4085**

Người nhận mẫu: Dương Thị Hằng

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở niêm phong để thử nghiệm: Mẫu đựng trong túi PE kín. Nhãn viết tay dán trên túi, không có mẫu lưu.

Tên chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp
1.*Cảm quan	Bột màu xanh.		
2.Giới hạn kim loại nặng			
+ Pb (Chì)	< LOQ (LOQ= 0,08)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
+ Cd (Cadimi)	< LOQ (LOQ= 0,03)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
+ Hg (Thủy ngân)	< LOQ (LOQ= 0,04)	mg/kg (ppm)	TCVN 10912 : 2015
3.Tổng số vi sinh vật hiếu khí	9,5 x 10 <sup>1</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1 :2015
4.Escherichia coli (E.coli)	Không phát hiện	/g	TCVN 6846 : 2007
5.Salmonella spp.	Không phát hiện	/25g	TCVN 10780-1: 2017
6.Staphylococcus aureus (S.aureus)	0	MPN/g	TCVN 7927: 2008
7.Tổng số nấm men, nấm mốc	< 1,0 x 10 <sup>1</sup>	CFU/g	TCVN 8275-2 : 2010

Ghi chú : LOQ - Giới hạn định lượng

Hà Nội, Ngày 10 Tháng 10 Năm 2025



**GD. TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM**

**ThS. Nguyễn Việt Hà**

\* Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO 17025

\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm

Kết quả trên phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu đem thử

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TTKN

Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu theo quy định.

KN/BM.KQ/14.1

Ngày ban hành: 10/05/2024 LBH: 4



VIAS LP90  
 ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 523

Mã số/ Code: DV142311130/01

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT



## I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT ÂU CƠ**
2. Địa chỉ/ Address : **Lô A2CN1 Cụm CNTT Vừa Và Nhỏ Từ Liêm, Phường Xuân Phương, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : **Thực phẩm bổ sung ZYMOPATH**  
**Số lô/SKS: 040825/02; NSX: 18/08/2025; HSD: 18/08/2027**
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu đựng trong túi kín. Khối lượng: 210g/túi, số lượng: 01 túi**
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : **29/10/2025**
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : **Không có mẫu lưu**
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : **29/10/2025-04/11/2025**
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : **04/11/2025**

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Ochratoxin A (OTA) *	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)
2	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3)	VNT.H.03.Fo.78 (2025) (Ref: AOAC 994.08)
4	Đường tổng (Fructose, Glucose, Sucrose/ Saccharose, Maltose, Lactose) – Phương pháp sắc ký lỏng	g/100g	3,29	VNT.H.03.Fo.53

### Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

**VIỆN TRƯỞNG**  
 DIRECTOR



**THS. TRỊNH CÔNG SƠN**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn 1 phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (\*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (\*\*)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (\*), Items are tested by subcontractors (\*\*).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định, đánh dấu (a), chỉ tiêu được cấp giấy chứng nhận Vimecerts đánh dấu (b), được Cục chăn nuôi chỉ định đánh dấu (c)/ Items designated by Ministry of Agriculture and Environment (a), Items issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b), Items designated by Department of Livestock Production (c).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.